THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

Số: 42

Ngày 26/10/2026

Bản tin hàng tuần phát hành ngày thứ Hai

TÓM TẮT

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin Văn bản pháp luật mới số 42 có các nội dung đáng chú ý sau:

- *Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp.*
- *Cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026-2035.*
- *Bổ sung một số quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng.*
- *Văn bản dự thảo: Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật.*
- *Giải đáp pháp luật: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.*

ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN CÔNG TÁC CÁN BỘ

Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 15/10/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp và đổi mới căn bản, toàn diện công tác cán bộ đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Nghị quyết đánh giá công tác cán bộ đã đạt nhiều kết quả quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và hoàn thiện các quy định, quy trình về công tác cán bộ. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế như: chất lượng cán bộ chưa đồng đều, thiếu chuyên gia giỏi ở một số lĩnh vực chiến lược, năng lực quản trị hiện đại và chuyển đổi số của một bộ phận cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu; tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm và đánh giá cán bộ chưa thực chất vẫn còn tồn tại.

Mục tiêu, đến năm 2030, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có phẩm chất, năng lực, uy tín, cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước; hoàn thiện thể chế về vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh và đánh giá cán bộ; đẩy mạnh thu hút, trọng dụng nhân tài và hoàn thiện cơ sở dữ liệu cán bộ. Tầm nhìn đến năm 2045 là xây dựng đội ngũ cán bộ chất lượng cao, có tư duy chiến lược, năng lực quản trị hiện đại, làm chủ khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế.

Nghị quyết đề ra ba đột phá trọng tâm: đổi mới việc đánh giá, lựa chọn, sử dụng và sàng lọc cán bộ theo phẩm chất, năng lực và kết quả thực tế; chủ động tạo nguồn, phát triển đội ngũ cán bộ kế cận nhiều thế hệ, nhiều phương án, đồng thời trọng dụng người tài; hoàn thiện thể chế và đổi mới phương thức quản trị cán bộ trên cơ sở vị trí việc làm, dữ liệu được kiểm chứng, trách nhiệm giải trình và kiểm soát quyền lực.

Về nhiệm vụ, giải pháp, Nghị quyết nêu rõ: tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng và trách nhiệm nêu gương; hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh và khung năng lực; đổi mới căn bản công tác đánh giá cán bộ, bảo vệ chính trị nội bộ và kiểm soát quyền lực. Đồng thời, cần đổi mới công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí và sử dụng cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, cán bộ cơ sở và người đứng đầu có đủ năng lực, phẩm chất, uy tín; thực hiện chính sách đãi ngộ phù hợp, khuyến khích và bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Chuyển đổi số, quản trị dữ liệu và ứng dụng khoa học, công nghệ, trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm là giải pháp quan trọng trong đổi mới công tác cán bộ. Xây dựng cơ sở dữ liệu cán bộ thống nhất, đồng bộ, được chuẩn hóa, số hóa và cập nhật thường xuyên.

Một nhiệm vụ, giải pháp nữa được đặt ra trong Nghị quyết là phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,

các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI, NÔNG THÔN, DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2035

Nghị định số 387/2026/NĐ-CP ngày 12/10/2026 của Chính phủ quy định nội dung, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026-2035.

Về nguyên tắc thực hiện, việc quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình phải thống nhất, đồng bộ, đúng mục tiêu và đối tượng thụ hưởng; tăng cường phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương, gắn với trách nhiệm. Việc phân bổ và sử dụng nguồn lực phải có trọng tâm, trọng điểm, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, tránh trùng lặp, chồng chéo. Ưu tiên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, hộ nghèo, hộ cận nghèo và các nhóm yếu thế.

Về phát triển nông thôn, tập trung vào quy hoạch không gian nông thôn, đầu tư hạ tầng thiết yếu, giao thông, thủy lợi, điện, nước sạch, viễn thông, giáo dục, y tế và văn hóa. Chú trọng bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp; bố trí ổn định dân cư, cải thiện nhà ở và nâng cao năng lực quản trị, chất lượng dịch vụ công tại cơ sở.

Về phát triển kinh tế, giảm nghèo và nâng cao thu nhập, hướng đến phát triển nông nghiệp sinh thái, hiện đại, bền vững; đổi mới tổ chức sản xuất, củng cố hợp tác xã, phát triển vùng nguyên liệu tập trung và liên kết chuỗi giá trị. Hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP, ngành nghề nông thôn, làng nghề truyền thống, du lịch nông thôn, thương mại điện tử, đa dạng hóa sinh kế, phát triển thị trường lao động, đào tạo nghề và tạo việc làm cho người dân.

Về giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và hạ tầng số cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Đồng thời, chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; đổi mới đào tạo nghề gắn với nhu cầu thị trường lao động; tạo cơ hội học tập, đào tạo và việc làm cho người dân, nhất là lao động nông thôn, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số.

Về chăm sóc sức khỏe và phát triển văn hóa, tập trung củng cố mạng lưới y tế cơ sở, nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh, cải thiện chất lượng dân số, chăm sóc người cao tuổi và các nhóm dễ bị tổn thương.

Trong lĩnh vực văn hóa, chú trọng bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, phát triển văn học, nghệ thuật, xây dựng môi trường văn hóa lành

mạnh, nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân; đồng thời thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa, hội nhập quốc tế và ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa.

Đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Nghị định đưa ra các chính sách ưu tiên về nguồn lực, đầu tư hạ tầng, hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất hoặc chuyển đổi nghề, ổn định dân cư và phát triển sinh kế. Quan tâm phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp, dược liệu bền vững gắn với bảo vệ rừng; hỗ trợ khởi nghiệp, kết nối thị trường, bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống, đào tạo cán bộ người dân tộc thiểu số và phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng.

Về cơ chế quản lý và nguồn lực, huy động, lồng ghép, phân bổ và sử dụng ngân sách nhà nước cùng các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện Chương trình. Không bố trí trùng lặp nguồn vốn cho cùng một nội dung. Quy định cơ chế đặc thù đối với một số dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản có sự tham gia của người dân và các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH XỔ SỐ

Các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả và thẩm quyền xử phạt trong lĩnh vực kinh doanh xổ số được quy định tại Nghị định số 389/2026/NĐ-CP ngày 14/10/2026 của Chính phủ.

Các hình thức xử phạt chính gồm: cảnh cáo, phạt tiền. Hình thức xử phạt bổ sung gồm đình chỉ hoạt động kinh doanh xổ số có thời hạn và tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm.

Mức phạt tiền tối đa là 100 triệu đồng đối với cá nhân và 200 triệu đồng đối với tổ chức.

Các hành vi vi phạm liên quan đến cấp, quản lý và sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xổ số; in, phát hành, phân phối vé xổ số; kinh doanh sai địa bàn; vi phạm về đại lý xổ số và điều kiện tham gia dự thưởng.

Nghị định cũng quy định xử phạt đối với các vi phạm trong tổ chức quay số mở thưởng, quản lý thiết bị quay số, công bố kết quả trúng thưởng, thực hiện khuyến mại, trả thưởng và lưu trữ vé xổ số. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức vi phạm có thể bị phạt tiền, đình chỉ hoạt động kinh doanh xổ số từ 1 đến 3 tháng, tịch thu tang vật, phương tiện và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp.

Nghị định cũng có quy định về xử phạt đối với vi phạm về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố và phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong hoạt động kinh doanh xổ số. Các doanh nghiệp phải thực hiện đúng quy định về nhận biết, cập nhật và xác minh thông tin khách hàng; giám sát, báo cáo giao dịch đáng ngờ; lưu trữ, bảo mật thông tin và đánh giá rủi ro. Mức phạt có thể lên đến 200 triệu đồng, đồng thời phải thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 30/11/2026.

BỔ SUNG MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀNG

Nghị định số 390/2026/NĐ-CP ngày 16/10/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP.

Theo đó, hoạt động sản xuất vàng miếng và kinh doanh mua, bán vàng miếng là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, phải được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép. Sản xuất, gia công, mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ không còn là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, nhưng phải tuân thủ quy định về chất lượng hàng hóa, tiêu chuẩn, đo lường, nhãn hàng hóa, niêm yết giá, thuế, phòng, chống rửa tiền và các quy định pháp luật liên quan. Đáng chú ý, giao dịch mua, bán vàng có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên trong một ngày của một khách hàng phải thực hiện bằng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt.

Về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vàng nguyên liệu, việc cấp phép cho doanh nghiệp có hoạt động gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài căn cứ vào năng lực sản xuất, hợp đồng gia công, hợp đồng xuất khẩu và nhu cầu nguyên liệu thực tế. Một số loại vàng nguyên liệu, vàng bán thành phẩm và vàng sử dụng trong sản xuất linh kiện điện tử, thiết bị điện tử, thiết bị y tế được thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, pháp luật về hải quan và các quy định chuyên ngành.

Nghị định yêu cầu doanh nghiệp phải xây dựng hệ thống thông tin để quản lý đầy đủ, chính xác dữ liệu về xuất khẩu, nhập khẩu, mua, bán, sử dụng và tồn kho vàng nguyên liệu nhập khẩu; đồng thời kết nối, cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước. Các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại có trách nhiệm báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh vàng miếng, xuất nhập khẩu vàng, sử dụng vàng nguyên liệu nhập khẩu và thực hiện hợp đồng gia công, xuất khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ. Ngân hàng Nhà nước thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về cấp phép, hạn mức, báo cáo và hoạt động kinh doanh vàng. Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quản lý chất lượng, đo lường vàng.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 16/10/2026.

MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Chính phủ ban hành Nghị định số 385/2026/NĐ-CP ngày 09/10/2026, quy định về kiểm soát thủ tục hành chính, trong đó xác định kiểm soát thủ tục hành chính được thực hiện ngay từ khi đề xuất chính sách, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật và trong quá trình tổ chức thực hiện.

Kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) phải bảo đảm thực hiện có hiệu quả mục tiêu cải cách thủ tục hành chính, cải cách hành chính; bảo

đảm sự tham gia của cá nhân, tổ chức và các bên có liên quan trong quá trình xây dựng, thực hiện và đánh giá thủ tục hành chính; kịp thời phát hiện để bãi bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung TTHC không phù hợp, phức tạp, phiền hà; bảo đảm các TTHC được ban hành đúng quy định, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, tiết kiệm thời gian, chi phí, công sức của đối tượng thực hiện và cơ quan thực hiện thủ tục hành chính.

Kiểm soát TTHC được thực hiện thường xuyên, liên tục trong quá trình tổ chức thực hiện thủ tục hành chính; phải gắn với chuyển đổi số và quản trị dữ liệu, bảo đảm khai thác, kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu trong toàn bộ quá trình giải quyết TTHC. Nền tảng số về kiểm soát TTHC là hệ thống thông tin dùng chung, được xây dựng để hỗ trợ thực hiện công tác kiểm soát TTHC trên môi trường số, giúp hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá, đôn đốc và theo dõi việc quy định và thực hiện thủ tục hành chính.

Đáng chú ý, cơ quan lập đề xuất chính sách, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm đánh giá tác động TTHC nếu giải pháp thực hiện chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định TTHC. Quy định TTHC phải bảo đảm quyền lựa chọn cách thức thực hiện của cá nhân, tổ chức; ưu tiên thực hiện trên môi trường điện tử và thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Cá nhân, tổ chức được từ chối thực hiện TTHC trái quy định pháp luật hoặc khác với nội dung đã được cơ quan có thẩm quyền công bố, công khai; từ chối những yêu cầu không có trong thủ tục. Cơ quan thực hiện TTHC không được tự đặt thêm thủ tục, hồ sơ, giấy tờ; từ chối hoặc yêu cầu bổ sung phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 10 năm 2026.

XÁC ĐỊNH XUẤT XỨ VIỆT NAM ĐỐI VỚI HÀNG HÓA SẢN XUẤT, LƯU THÔNG TRONG NƯỚC

Từ ngày 01/01/2027, việc xác định xuất xứ Việt Nam đối với hàng hóa sản xuất, lưu thông trong nước được thực hiện theo Nghị định số 384/2026/NĐ-CP, do Chính phủ ban hành ngày 09/10/2026.

Theo Nghị định, hàng hóa có xuất xứ Việt Nam (XXVN) khi thuộc một trong các trường hợp: Hàng hóa có xuất xứ thuần túy Việt Nam và hàng hóa có xuất xứ không thuần túy Việt Nam.

Hàng hóa có xuất xứ thuần túy Việt Nam thuộc một trong các trường hợp sau: Cây trồng, các sản phẩm từ cây trồng được trồng và thu hoạch tại Việt Nam; động vật, sản phẩm từ động vật được sinh ra hoặc nuôi dưỡng tại Việt Nam; sản phẩm thu được từ săn bắn, đặt bẫy, đánh bắt, nuôi trồng, thu lượm tại Việt Nam; khoáng sản và chất sản sinh tự nhiên được chiết xuất hoặc lấy ra từ đất, nước, đáy biển hoặc dưới đáy biển của Việt Nam; sản phẩm lấy từ nước, đáy biển, dưới đáy biển bên ngoài lãnh hải Việt Nam mà Việt Nam có quyền khai thác; sản phẩm đánh bắt và hải sản khác đánh bắt từ vùng biển cả bằng tàu được đăng ký ở Việt Nam và được phép treo cờ của Việt Nam; vật phẩm thu được

trong quá trình sản xuất, tiêu dùng ở Việt Nam hiện không còn thực hiện được chức năng ban đầu, không thể sửa chữa, khôi phục được, chỉ có thể vứt bỏ hoặc dùng làm các nguyên liệu, vật liệu thô, sử dụng vào mục đích tái chế.

Hàng hóa có xuất xứ không thuần túy Việt Nam khi thuộc một trong các trường hợp sau: Chuyển đổi mã số hàng hóa; có hàm lượng giá trị Việt Nam (VVC) tối thiểu 30%.

Điểm đáng lưu ý là các công đoạn gia công, chế biến đơn giản, không sử dụng kỹ năng đặc biệt, máy móc, dây chuyền hoặc thiết bị chuyên dụng không được xét khi xác định xuất xứ hàng hóa Việt Nam. Bên cạnh đó, các yếu tố sử dụng trong quá trình sản xuất, kiểm tra hoặc thử nghiệm hàng hóa nhưng không tạo nên hàng hóa, hoặc yếu tố sử dụng trong việc bảo dưỡng nhà xưởng, hoặc vận hành thiết bị có liên quan tới việc sản xuất hàng hóa không được xem xét khi xác định XXVN. Riêng hàng hóa thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin và công nghệ số, Nghị định cho phép tính vào VVC các công đoạn tạo giá trị thực hiện tại Việt Nam, gồm nghiên cứu, phát triển; thiết kế, lập trình, số hóa, tự động hóa; thử nghiệm kỹ thuật và kiểm thử phần mềm gắn với quy trình tạo ra sản phẩm. Công đoạn gia công, chế biến đơn giản và yếu tố không được xem xét khi xác định xuất xứ không áp dụng đối với các mặt hàng này.

Thương nhân, tổ chức, cá nhân thể hiện XXVN, tuân thủ quy định về ghi nhãn hàng hóa, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin đã công bố; lưu trữ hồ sơ, chứng từ chứng minh xuất xứ hàng hóa để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra. Chịu trách nhiệm chứng minh hàng hóa có XXVN khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

ĐỀ ÁN "TÁI CẤU TRÚC CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2026 - 2035"

Đề án "Tái cấu trúc các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia giai đoạn 2026 - 2035" được phê duyệt tại Quyết định số 1951/QĐ-TTg ngày 08/10/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

Đề án rà soát, tổ chức hệ thống các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia còn hiệu lực để tránh trùng lặp về mục tiêu, nội dung, sản phẩm và nguồn lực. Hệ thống gồm 06 nhóm chương trình: phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia; nghiên cứu cơ bản; chương trình trọng điểm quốc gia; đổi mới sáng tạo quốc gia; chương trình quốc gia đặc biệt và chuyển đổi số quốc gia.

Các mục tiêu cụ thể được đặt ra theo 2 giai đoạn. Giai đoạn 2026 - 2030, phấn đấu 100% chương trình được theo dõi, đánh giá trên nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia; tối thiểu 40% nhiệm vụ có kết quả được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ hoặc có công bố quốc tế uy tín; ít nhất 50% nhiệm vụ đặt hàng có doanh nghiệp chủ trì hoặc phối hợp, với vốn đối ứng tối

thiểu 40%; hình thành 30 nhóm nghiên cứu mạnh đạt chuẩn khu vực, phát triển ít nhất 20 doanh nghiệp làm chủ công nghệ, trong đó có 05 doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; thành lập tối thiểu 250 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Giai đoạn 2031 - 2035, nâng tỷ lệ nhiệm vụ có kết quả được bảo hộ sở hữu trí tuệ hoặc có công bố quốc tế uy tín lên tối thiểu 50%; tỷ lệ nhiệm vụ đặt hàng có doanh nghiệp tham gia đạt ít nhất 60%, với vốn đối ứng tối thiểu 50%; phát triển lũy kế ít nhất 50 nhóm nghiên cứu mạnh đạt chuẩn quốc tế…

Một số giải pháp được đưa ra là điều chỉnh, tích hợp, thay thế hoặc kết thúc những chương trình không còn phù hợp, trùng lặp, đồng thời xây dựng chương trình mới có mục tiêu, sản phẩm đầu ra, chỉ tiêu đánh giá, nguồn lực và thời hạn hoàn thành rõ ràng. Cơ chế quản lý được đổi mới theo hướng quản lý dựa trên mục tiêu, kết quả, hiệu quả và tác động thực tế; áp dụng khung đánh giá Đầu vào - Đầu ra - Hiệu quả - Tác động, tăng cường phân cấp, tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, hậu kiểm và quản trị rủi ro phù hợp với đặc thù nghiên cứu khoa học.

Bên cạnh đó, Đề án thúc đẩy liên kết giữa Nhà nước, viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp, tổ chức trung gian, quỹ và nhà đầu tư; hỗ trợ hoàn thiện công nghệ, bảo hộ và khai thác tài sản trí tuệ, chuyển giao, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, thương mại hóa sản phẩm và mở rộng thị trường; ưu tiên phát triển nhân lực chất lượng cao; số hóa quy trình quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu, bảo đảm an toàn thông tin và không phát sinh chế độ báo cáo trùng lặp.

PHÊ DUYỆT "ĐỀ ÁN XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU LỚN VỀ PHÁP LUẬT"

Ngày 08/10/2026, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật tại Quyết định số 1949/QĐ-TTg.

Đề án nhằm xây dựng Cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật trở thành hạ tầng dữ liệu pháp luật quốc gia phục vụ tích hợp, chuẩn hóa, liên kết, phân tích và cung cấp dữ liệu dùng chung, bảo đảm tiêu chí "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung", áp dụng công nghệ hiện đại, làm nền tảng để xây dựng, phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo chính xác, hiệu quả, góp phần đổi mới công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, hướng tới xây dựng nền quản trị pháp luật thông minh. Thúc đẩy xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, góp phần đưa pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh quốc gia trong kỷ nguyên mới. Cơ sở dữ liệu được xây dựng trên cơ sở tổng hợp dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và các cơ sở dữ liệu có liên quan, lấy dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật làm cốt lõi, theo dõi toàn bộ vòng đời của văn bản từ khâu xây dựng đến tổ chức thi hành. Việc tích hợp không thay thế dữ liệu gốc của các cơ quan; dữ liệu bổ trợ chỉ có giá trị tham khảo, phải được kiểm chứng và không làm thay đổi giá trị pháp lý của dữ liệu gốc.

Đề án ưu tiên ứng dụng công nghệ hiện đại, trí tuệ nhân tạo theo nguyên tắc dữ liệu là nền tảng, AI là công cụ

hỗ trợ, con người chịu trách nhiệm cuối cùng; đồng thời bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước và chủ quyền dữ liệu quốc gia.

Đến năm 2027, Đề án đặt mục tiêu rà soát, tái cấu trúc Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, bảo đảm 100% dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật được biểu diễn dưới dạng tiêu chuẩn hỗ trợ máy đọc; số hóa 100% hồ sơ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của các văn bản được ban hành từ ngày 30/4/2025. Giai đoạn 2028 - 2030, hoàn thành Kho dữ liệu pháp luật tập trung, tích hợp 100% các nguồn dữ liệu thành phần về pháp luật từ các bộ, cơ quan, địa phương; hình thành Đồ thị tri thức pháp luật quốc gia phục vụ tìm kiếm, phân tích, khai thác thông minh và ứng dụng công nghệ số phục vụ công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật. Đồng thời, phát triển các nền tảng, công cụ tra cứu, phân tích và khai thác dữ liệu, tạo điều kiện để cơ quan nhà nước, tổ chức, người dân và doanh nghiệp tiếp cận thông tin pháp luật thuận lợi hơn.

Giải pháp trọng tâm là xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý về dữ liệu pháp luật; phát triển hạ tầng, nền tảng công nghệ và quản trị, vận hành Cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật; số hóa, tạo lập, tích hợp và chuẩn hóa dữ liệu cho Cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật; phát triển nguồn nhân lực có năng lực, kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, quản trị và khai thác dữ liệu pháp luật; khai thác dữ liệu pháp luật thúc đẩy đổi mới, sáng tạo dịch vụ số; bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu; kiểm soát rủi ro, ngăn chặn nguy cơ bị điều hướng, tác động chính sách; tăng cường hợp tác quốc tế.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

YÊU CẦU, KỸ THUẬT CỦA HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Thông tư số 60/2026/TT-BKHCN ngày 13/10/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về yêu cầu, tính năng kỹ thuật của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và hướng dẫn đo lường, thống kê, đánh giá chất lượng của hệ thống.

Các nội dung được quy định gồm công bố, công khai dịch vụ công trực tuyến; kiến trúc hệ thống; yêu cầu kỹ thuật; tích hợp chữ ký số; kết nối, chia sẻ dữ liệu và đánh giá chất lượng hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính phải bảo đảm tính thống nhất, thuận tiện, hiệu quả, an toàn và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Hệ thống phải có khả năng kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống thông tin có liên quan; không yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại những thông tin, dữ liệu mà cơ quan nhà nước đã có hoặc có thể

khai thác theo quy định. Hồ sơ điện tử phải được hình thành đầy đủ để phục vụ lưu trữ.

Về chức năng kỹ thuật, phải đáp ứng các chức năng cơ bản như xác thực và quản lý tài khoản, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, sử dụng biểu mẫu điện tử, ký số, tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính, quản lý hồ sơ, báo cáo, thống kê, giám sát, điều hành và chia sẻ dữ liệu. Hệ thống phải bảo đảm giao diện thân thiện, hiệu năng hoạt động và an ninh mạng. Đối với hệ thống của bộ, ngành, quản lý tập trung danh mục thủ tục hành chính, quy trình điện tử, phân quyền người dùng và hỗ trợ đăng nhập một lần để truy cập các hệ thống liên quan.

Việc công bố, công khai dịch vụ công trực tuyến phải đầy đủ, chính xác và thống nhất với thông tin thủ tục hành chính. Các cơ quan giải quyết thường xuyên cập nhật, kiểm tra và bảo đảm tính chính xác, đồng bộ của thông tin giữa hệ thống của cơ quan với Cổng Dịch vụ công quốc gia và các hệ thống liên quan.

Về đo lường, thống kê, việc kết nối Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số (Hệ thống EMC) thông qua mã nhúng do cơ quan quản lý cung cấp. Việc kết nối, thu thập dữ liệu phải bảo đảm không ảnh hưởng đến hoạt động ổn định, hiệu năng và an ninh mạng của hệ thống.

Đối với đánh giá chất lượng, gồm hai nội dung chính: đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu, tính năng kỹ thuật của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và đánh giá dịch vụ công trực tuyến theo mức độ phức tạp. Việc xác định mức độ phức tạp của dịch vụ công trực tuyến là cơ sở để rà soát, đơn giản hóa thủ tục, cắt giảm thành phần hồ sơ, yêu cầu và thông tin kê khai.

Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 01/12/2026.

QUẢN LÝ, TÍNH HAO MÒN, TRÍCH KHẤU HAO TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ

Ngày 09/10/2026, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 151/2026/TT-BTC quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao và hướng dẫn kê khai, báo cáo đối với tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.

Thông tư quy định cụ thể các tiêu chuẩn để được xác định là tài sản kết cấu hạ tầng (TSKCHT). Đó là tài sản có kết cấu độc lập; một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định mà nếu thiếu bất kỳ một bộ phận nào trong đó thì cả hệ thống không thể hoạt động được... TSKCHT xác định là TSCĐ khi có thời gian sử dụng để tính hao mòn, trích khấu hao từ 01 năm trở lên và có nguyên giá từ 30 triệu đồng trở lên.

Về nguyên tắc quản lý, các TSKCHT phải được lập hồ sơ, theo dõi đầy đủ về hiện vật và giá trị. Mỗi TSKCHT được xác định là TSCĐ là một đối tượng ghi sổ kế toán. Đối tượng quản lý phải phản ánh đầy đủ nguyên giá, số hao mòn, khấu hao

lũy kế và giá trị còn lại, bảo đảm số liệu kế toán thống nhất, chính xác.

Về xác định nguyên giá và thay đổi nguyên giá, Thông tư quy định phương pháp xác định giá trị ban đầu, đồng thời hướng dẫn xử lý các trường hợp có biến động do đầu tư nâng cấp, mở rộng, lắp đặt bổ sung bộ phận tài sản, hư hỏng nghiêm trọng hoặc phải đánh giá lại. Đối với tài sản cần đánh giá lại giá trị còn lại và thời gian sử dụng, đối tượng quản lý thực hiện thông qua doanh nghiệp thẩm định giá hoặc thành lập Hội đồng theo quy định. Việc xác định lại nguyên giá là cơ sở để tính hao mòn, khấu hao trong thời gian sử dụng còn lại của tài sản.

Về tính hao mòn và trích khấu hao, Thông tư phân biệt các trường hợp chỉ tính hao mòn, chỉ trích khấu hao hoặc đồng thời thực hiện cả hai. Tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, hoặc tài sản thuộc diện phải tính chi phí khấu hao vào giá dịch vụ theo quy định, được thực hiện trích khấu hao theo điều kiện tương ứng.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 11 năm 2026

GIÁ DỊCH VỤ TRÔNG GIỮ XE TẠM THỜI TRÊN LÒNG ĐƯỜNG, HÈ PHỐ Ở HÀ NỘI

Từ ngày 15/10/2026, giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố phải tuân thủ Quyết định số 5794/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Giá dịch vụ trông giữ ô tô theo khu vực và loại phương tiện. Các tuyến đường được phân chia theo phạm vi các đường Vành đai I, II, III, IV và khu vực đô thị lõi cần hạn chế.

Mức thu được quy định theo lượt 60 phút hoặc theo tháng, áp dụng đối với xe đỗ lượt, xe hợp đồng ngày, xe hợp đồng ngày đêm và xe hợp đồng đêm. Đô thị lõi gồm (khu bảo tồn cấp I: các phố Nguyễn Xí, Đinh Lễ, Lý Thái Tổ, Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt, Hai Bà Trưng, Hàng Đường, Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Giấy, Phủ Doãn, Quán Sứ), có giá tiền: 50.000đ/lượt/60 phút đối với xe đến 9 chỗ ngồi; 60.000đ/lượt/60 phút đối với xe từ 10 đến 24 chỗ. Xe hợp đồng ngày đến 09 chỗ ngồi áp dụng mức thu 4.800.000đ/tháng; đêm là: 3.500.000đ/tháng; cả ngày và đêm là: 6.000.000đ/tháng.

Đối với dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, mức thu theo lượt ngày, lượt đêm, lượt ngày đêm và theo tháng. Tại khu vực các tuyến phố cần hạn chế thuộc đô thị lõi, mức thu lần lượt là 10.000 đồng/lượt ngày, 15.000 đồng/lượt đêm, 25.000 đồng/lượt ngày đêm và 250.000 đồng/xe/tháng. Đối với các tuyến đường, phố còn lại trong khu vực được quy định, mức thu tương ứng là 10.000 đồng/lượt ngày, 15.000 đồng/lượt đêm, 25.000 đồng/lượt ngày đêm và 200.000 đồng/xe/tháng.

Các đơn vị trông giữ phương tiện sử dụng lòng đường, hè phố được đầu tư bằng ngân sách nhà nước có trách nhiệm áp dụng đúng mức giá quy định, chịu trách nhiệm về số liệu

phương tiện, tỷ lệ lấp đầy tại các điểm trông giữ và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế theo quy định. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và cơ quan liên quan rà soát chi phí thực tế, đề xuất UBND Thành phố xem xét điều chỉnh giá khi cần thiết.

Quyết định có hiệu lực từ ngày 15/10/2026.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH HƯỚNG DẪN LUẬT PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật do Bộ Tư pháp soạn thảo.

Đáng chú ý, dự thảo Nghị định dành một chương quy định về phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua nền tảng số, mạng xã hội, ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ có liên quan quy định danh mục dữ liệu pháp luật được công khai, chia sẻ; tiêu chuẩn dữ liệu mở, cấu trúc dữ liệu và giao diện lập trình ứng dụng (API) kết nối, chia sẻ dữ liệu pháp luật trên Cổng Pháp luật quốc gia với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, cổng, trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

Cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm chuẩn hóa, cập nhật kịp thời dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý trên Cổng Pháp luật quốc gia, cơ sở dữ liệu, cổng, trang thông tin điện tử của cơ quan mình; chuẩn hóa, cập nhật tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật, thông tin pháp luật thuộc phạm vi quản lý trên hệ thống của cơ quan mình và kết nối, chia sẻ với Cổng Pháp luật quốc gia theo thời hạn quy định tại Quy chế quản lý vận hành, khai thác Cổng Pháp luật quốc gia.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân được khai thác, sử dụng dữ liệu pháp luật được công khai, chia sẻ trên Cổng Pháp luật quốc gia và dữ liệu pháp luật được kết nối, chia sẻ từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, cổng, trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

Việc kết nối, dẫn nguồn, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu và tiếp nhận, xử lý, đăng tải, công khai hiến kế trên Cổng Pháp luật quốc gia phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước, tiếp cận thông tin và quy định khác của pháp luật có liên quan.

DỰ THẢO THÔNG TƯ VỀ THU, NỘP KHOẢN ĐÓNG GÓP BẮT BUỘC VÀ NỘI DUNG CHI, MỨC CHI ĐỐI VỚI QUỸ PHÒNG BỆNH

Dự thảo Thông tư này quy định về căn cứ tính và quản lý thu, nộp khoản đóng góp bắt buộc của cơ sở sản xuất, nhập khẩu thuốc lá cho Quỹ phòng bệnh (sau đây gọi tắt là

Quỹ); nội dung chi, mức chi từ nguồn ngân sách nhà nước của Quỹ

Quỹ thực hiện quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn tài chính theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật liên quan. Vốn điều lệ do ngân sách nhà nước hỗ trợ phải được quản lý và sử dụng đảm bảo nguyên tắc bảo toàn vốn.

Quỹ chi cho các hoạt động phòng, chống tác hại của thuốc lá; chi hỗ trợ cho các hoạt động khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí; hoạt động phòng, chống bệnh không lây nhiễm; hoạt động phòng chống rối loạn tâm thần; hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phòng bệnh…

Đáng chú ý là quy định mức chi đối với nội dung chi các hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng bệnh tại cộng đồng, cơ quan, tổ chức. Theo đó, chi sản xuất, biên tập, đăng tải, truyền dẫn, phát sóng, phát hành các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm báo chí, xuất bản sản phẩm thông tin, truyền thông khác, chi truyền thông tại cộng đồng… được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 113/2026/TT-BTC ngày 31/7/2026 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030.

Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến công tác truyền thông thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: *Cá nhân phải đạt những tiêu chuẩn nào để được tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc"?*

Trả lời: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng, có hiệu lực từ ngày 01/10/2026.

Theo khoản 5 Điều 1 Luật này, danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" được tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được lựa chọn trong số những cá nhân có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua Bộ, ban, ngành, tỉnh.

- Có sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong toàn quốc, hoặc có nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được đánh giá hiệu quả theo quy định pháp luật và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc, hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

2. Hỏi: *Tiêu chuẩn để cá nhân được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua Bộ, ban, ngành, tỉnh là gì?*

Trả lời: Tiêu chuẩn này được quy định tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng, bao gồm:

- Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được lựa chọn trong số những cá nhân có 03 lần liên tục được tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở";

- Có sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong Bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc có nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được đánh giá hiệu quả theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quân hoặc toàn lực lượng Công an nhân dân.

3. Hỏi: *Cá nhân đạt những tiêu chuẩn nào sẽ được tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"?*

Trả lời: Cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng sẽ được tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở", cụ thể:

- Được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

- Đạt tiêu chuẩn danh hiệu "Lao động tiên tiến" hoặc "Chiến sĩ tiên tiến" và có sáng kiến được cơ sở công nhận;

- Đạt tiêu chuẩn danh hiệu "Lao động tiên tiến" hoặc "Chiến sĩ tiên tiến" và có nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được đánh giá hiệu quả theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

- Đạt tiêu chuẩn danh hiệu "Lao động tiên tiến" hoặc "Chiến sĩ tiên tiến" và mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu được đơn vị công nhận.

4. Hỏi: *Chánh Văn phòng Trung ương Đảng có thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" không?*

Trả lời: Theo khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Tổng Kiểm toán nhà nước, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương quyết định tặng bằng khen, cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, chiến sĩ thi đua Bộ, ban, ngành, kỷ niệm chương; quyết định hoặc ủy quyền quyết định tặng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc"./.